

Số: 14 /2013/QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày 19 tháng 7 năm 2013

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành chính sách hỗ trợ lãi suất sau đầu tư phát sinh  
trong năm 2013 cho các doanh nghiệp của tỉnh Bạc Liêu**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 35/2012/TT-BTC ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30 tháng 08 năm 2011 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 325/TTr-STC ngày 17 tháng 5 năm 2013 và Báo cáo số 73/BC-STP ngày 08 tháng 5 năm 2013 của Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Quyết định về ban hành chính sách hỗ trợ lãi suất sau đầu tư phát sinh trong năm 2013 cho các doanh nghiệp của tỉnh Bạc Liêu,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ngân sách tỉnh Bạc Liêu hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với các khoản vay trung và dài hạn (từ 1 năm trở lên) bằng đồng Việt Nam cho các doanh nghiệp có trụ sở chính tại tỉnh Bạc Liêu, sử dụng nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng để thực hiện dự án đầu tư mới, đầu tư chiều sâu, mở rộng dự án, đổi mới kỹ thuật, công nghệ, thiết bị, nguồn lực lao động trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu thuộc lĩnh vực được quy định tại Điều 2 Quyết định này.

### **Điều 2.** Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Đối tượng được hỗ trợ lãi suất: Là các doanh nghiệp có nguồn vốn trong nước có trụ sở chính và thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, vay vốn trung và dài hạn bằng đồng Việt Nam của các tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư mới, đầu tư chiều sâu, mở rộng dự án, đổi mới công nghệ, thiết bị, nguồn lực lao động trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, thuộc một trong các lĩnh vực (không phân biệt địa bàn đầu tư các huyện, thành phố) sau:

a) Doanh nghiệp đầu tư dự án khu nuôi và xây dựng nhà máy chế biến sản phẩm tổ chim yến; dự án đầu tư trồng và xây dựng nhà máy chế biến sản phẩm cây măng tây;

b) Doanh nghiệp chế biến nông, lâm, thủy hải sản trực tiếp xuất khẩu;

c) Doanh nghiệp đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thuộc “Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới”; dự án nhà ở cho người có thu nhập thấp;

d) Doanh nghiệp sản xuất, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thủy hải sản;

đ) Các doanh nghiệp có sử dụng lao động thường xuyên bình quân năm (không bao gồm số lao động làm việc toàn bộ thời gian của chi nhánh, đơn vị trực thuộc nhưng hạch toán độc lập) từ 300 lao động trở lên, không kể lao động có hợp đồng ngắn hạn dưới 3 tháng.

Đối với doanh nghiệp mới thành lập từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 thì tổng số lao động, không kể lao động có hợp đồng ngắn hạn dưới 3 tháng là số lao động sử dụng thường xuyên bình quân tính từ ngày thành lập đến thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2013 (nếu thành lập trong quý I năm 2013), đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013 (nếu thành lập trong quý II năm 2013), đến thời điểm 30/09/2013 (nếu thành lập trong quý III năm 2013) từ 200 lao động trở lên.

Số lao động sử dụng thường xuyên bình quân năm được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 40/2009/TT-BLĐTBXH ngày 03 tháng 12 năm 2009 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cách tính số lao động sử dụng thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

2. Các dự án không thuộc đối tượng hỗ trợ sau đầu tư:

a) Dự án đã được các Quỹ (bao gồm Ngân hàng Phát triển Việt Nam) có nguồn vốn hoạt động có nguồn gốc từ Ngân sách nhà nước hoặc đã được Ngân sách nhà nước các cấp hỗ trợ tài chính (cả về vốn vay và lãi suất tiền vay).

b) Dự án thay đổi chủ đầu tư.

c) Dự án vay vốn theo các chương trình mục tiêu sử dụng vốn nước ngoài của các Tổ chức tín dụng khác.

d) Các khoản vốn vay để: trả lãi vay tổ chức tín dụng, trả khoản vay vốn lưu động, trả nợ cho các hợp đồng tín dụng khác, vay để đầu tư các hạng mục hoặc khối lượng công việc không có trong dự án đầu tư được duyệt.

3. Phạm vi hỗ trợ lãi suất sau đầu tư: lãi vay đầu tư phát sinh trong năm 2013.

**Điều 3.** Nguyên tắc, thời hạn và mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư.

1. Nguyên tắc xác định:

a) Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư được tính cho từng dự án và cấp cho doanh nghiệp (là chủ đầu tư) sau khi doanh nghiệp đã trả nợ vay đầu tư (nợ gốc theo phân kỳ đã quy định của hợp đồng tín dụng và lãi vay) cho tổ chức tín dụng theo hợp đồng và kế ước vay và sau khi dự án (hoặc hạng mục công trình độc lập) đưa vào sản xuất kinh doanh trước ngày 31 tháng 12 năm 2013. Trường hợp dự

án đầu tư nhiều giai đoạn thì giai đoạn đầu phải hoàn thành đưa vào sử dụng trước 31 tháng 12 năm 2013 mới được xem xét hỗ trợ cho giai đoạn tiếp theo.

b) Doanh nghiệp chỉ nhận được hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với số vốn vay để đầu tư tài sản cố định và trong phạm vi tổng số vốn đầu tư tài sản cố định được duyệt của dự án.

c) Đối với những khoản vay trả trước hạn, mức hỗ trợ sau đầu tư được tính theo thời hạn thực vay của khoản vay đó theo Hợp đồng tín dụng đã được bên vay và bên cho vay ký kết.

d) Đối với các dự án khoan nợ thì thời gian khoan nợ không được tính vào thời hạn thực vay để tính hỗ trợ sau đầu tư và thời hạn hỗ trợ tối đa bằng thời hạn vay ghi trong hợp đồng tín dụng đã ký lần đầu.

đ) Doanh nghiệp không được cấp hỗ trợ sau đầu tư đối với các khoản nợ gốc quá hạn, nợ trả trong thời gian gia hạn nợ.

2. Thời gian được hỗ trợ lãi suất sau đầu tư tối đa là 12 tháng và thời điểm để tính (*số dư nợ gốc; thời gian hỗ trợ*) hỗ trợ sau đầu tư: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013. Việc hỗ trợ lãi suất tiền vay sau đầu tư được áp dụng đối với các khoản vay do tổ chức tín dụng thực hiện giải ngân trong thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013.

3. Mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư:

Mức lãi suất hỗ trợ sau đầu tư là 0,2%/tháng (2,4%/năm), tính trên số tiền vay còn lại và thời hạn cho vay thực tế còn lại theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này, nhưng không quá 500 triệu đồng/Doanh nghiệp.

4. Phương pháp xác định số tiền hỗ trợ lãi suất sau đầu tư

a) Công thức xác định mức hỗ trợ sau đầu tư

$$\text{Số tiền hỗ trợ} = \text{Số dư nợ gốc tính lãi} \times 0,2\% \times \text{Số tháng vay dư nợ gốc được hỗ trợ}$$

b) Ví dụ: Doanh nghiệp A thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất sau đầu tư gồm các chỉ tiêu sau:

- Công ty được Ngân hàng thương mại giải ngân cho vay đầu tư: ngày 01 tháng 01 năm 2012.

- Vốn cho vay: 100 triệu đồng, với thời gian vay: 02 năm, thời gian trả nợ gốc và lãi cuối mỗi quý và mức trả nợ gốc mỗi quý bằng nhau (20 triệu/quý).

- Doanh nghiệp A bắt đầu trả nợ cuối quý IV/2012.

Theo đó:

- Mặc dù cuối quý IV/2012 Doanh nghiệp A đã trả nợ. Nhưng theo Quyết định này thì chỉ hỗ trợ lãi suất sau đầu tư năm 2013 (bởi vì thời điểm tính hỗ trợ lãi suất sau đầu tư: kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013, theo Khoản 2 Điều này).

Nên Ngân sách tỉnh không hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với khoản nợ đã trả cuối quý IV/2012.

- Số nợ gốc thực trả ngày 01/01/2013: 80 triệu đồng;

Theo đó, số tiền hỗ trợ lãi suất sau đầu tư năm 2013 (12 tháng) là: 1,2 triệu đồng, cụ thể:

TT	Số dư nợ gốc tính lãi (triệu đồng)		Mức lãi suất hỗ trợ sau đầu tư (%/tháng)	Số tháng vay dư nợ gốc được hỗ trợ (tháng)	Thành tiền (triệu đồng)
	Ngày, tháng	Số tiền			
A	B	1	2	3	4 = 1 x 2 x 3
01	Ngày 01/01	80	0,2	03	0,48
02	Ngày 01/04	60	0,2	03	0,36
03	Ngày 01/07	40	0,2	03	0,24
04	Ngày 01/10	20	0,2	03	0,12
	<b>Tổng cộng</b>				<b>1,20</b>

**Điều 4.** Điều kiện để các doanh nghiệp được hưởng hỗ trợ lãi suất sau đầu tư.

Các doanh nghiệp thuộc quy định tại Điều 1 và Điều 2 Quyết định này và đảm bảo các điều kiện sau đây sẽ được Ngân sách tỉnh Bạc Liêu cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư:

1. Doanh nghiệp được xét hưởng hỗ trợ lãi suất sau đầu tư phải đảm bảo có tình hình sản xuất kinh doanh ổn định, tài chính lành mạnh, chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của nhà nước về nộp ngân sách nhà nước, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, không nợ đọng thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác và không vi phạm pháp luật.

2. Dự án được hỗ trợ lãi suất sau đầu tư phải đáp ứng đồng thời các điều kiện cụ thể là:

a) Dự án đã thực hiện đăng ký đầu tư theo quy định (được cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc xác nhận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền);

b) Được các tổ chức tín dụng cho vay vốn và dự án đã đưa vào sản xuất kinh doanh trước 31 tháng 12 năm 2013.

c) Đã trả nợ khoản vay đầu tư (nợ gốc theo phân kỳ quy định tại hợp đồng tín dụng và lãi vay); Đối với các khoản vay được xử lý khoanh, miễn, giảm nợ gốc, lãi vay tại tổ chức tín dụng thì không được tính hỗ trợ lãi suất thời điểm đó.

d) Đối với các dự án đầu tư dở dang, được xét hỗ trợ lãi suất tiền vay sau đầu tư là các hạng mục công trình độc lập đã hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng.

Theo đó, xác định số dư nợ gốc tính lãi, số tháng vay dư nợ gốc của hạng mục công trình độc lập được xác định như sau:

- Trường hợp có đầy đủ chứng từ, hồ sơ chứng minh khoản vay phục vụ cho hạng mục công trình độc lập đã hoàn thành, thì số dư nợ gốc tính lãi, số tháng vay dư nợ gốc là nội dung có liên quan trực tiếp đến hạng mục công trình độc lập đã hoàn thành.

- Trường hợp chưa có cơ sở xác định một cách trực tiếp cho từng hạng mục công trình độc lập, thì việc xác định số dư nợ gốc tính lãi, số tháng vay dư nợ gốc được xác định theo tiêu thức:

$$\text{Mức phân bổ số dư nợ gốc tính lãi} = \frac{\text{Tổng số dư nợ gốc tính lãi của toàn dự án}}{\text{Tổng giá trị khối lượng thi công của toàn dự án đầu tư}} \times \text{Giá trị khối lượng công trình độc lập đã hoàn thành}$$

+ Số dư nợ gốc tính lãi: tiến hành phân bổ theo giá trị khối lượng thi công của toàn dự án đầu tư (bao gồm cả hạng mục công trình độc lập đã hoàn thành), mức phân bổ được xác định:

+ Số tháng vay dư nợ gốc: được tính cho tất cả các khoản nợ đã trả phát sinh năm 2013 cho đến khi không còn số dư đối với mức phân bổ số dư nợ gốc tính lãi (được xác định theo công thức trên) của công trình độc lập đã hoàn thành.

**Thí dụ:** Doanh nghiệp A thực hiện dự án gồm 03 hạng mục công trình độc lập 1, 2, 3. Có các số liệu tại thời điểm 01/01/2013 như sau:

- Tổng giá trị khối lượng thi công dự án: 10 tỷ đồng. Trong đó, giá trị khối lượng công trình 1 đã hoàn thành là: 3 tỷ đồng.

- Tổng số dư nợ gốc đối với khoản vay đầu tư thực hiện dự án là: 5 tỷ đồng (các chứng từ, hồ sơ không phân biệt được số dư nợ gốc đối với khoản vay phục vụ cho công trình nào).

Trong năm Doanh nghiệp A trả nợ gốc khoản vay như sau:

TT	Ngày trả nợ gốc	Số tiền (triệu đồng)	
		Số tiền trả từng đợt	Lũy kế số tiền đã trả
01	31/3	500	500
02	30/6	500	1.000
03	30/9	500	1.500
04	31/12	500	2.000

- Số tiền hỗ trợ sau đầu tư cho Doanh nghiệp A đối với công trình 1 hoàn thành, được xác định như sau:

+ Mức phân bổ số dư nợ gốc (theo công thức trên): 1,5 tỷ đồng.

+ Số tiền hỗ trợ lãi suất sau đầu tư là: 18 triệu đồng, cụ thể:

TT	Số dư nợ gốc tính lãi (triệu đồng)		Mức lãi suất hỗ trợ sau đầu tư (%/tháng)	Số tháng vay dư nợ gốc được hỗ trợ (tháng)	Thành tiền (triệu đồng)
	Ngày, tháng	Số tiền			
A	B	1	2	3	4 = 1 x 2 x 3
01	Ngày 01/01	1.500	0,2	03	9
02	Ngày 01/04	1.000	0,2	03	6
03	Ngày 01/07	5.000	0,2	03	3
	<b>Tổng cộng</b>				<b>18</b>

#### **Điều 5. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất sau đầu tư**

1. Các doanh nghiệp thuộc phạm vi, đối tượng và đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 4 quyết định này lập thành 3 bộ hồ sơ đề nghị Ngân sách tỉnh Bạc Liêu cấp hỗ trợ lãi suất tiền vay sau đầu tư.

2. Nội dung hồ sơ gồm:

a) Công văn của doanh nghiệp đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ lãi suất sau đầu tư và có cam kết bằng văn bản về: triển khai thực hiện dự án đã được phê duyệt theo đúng các quy định pháp luật hiện hành, bảo đảm tiến độ, chất lượng công trình; thực hiện đúng các quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường trong đầu tư và sản xuất; sử dụng vốn vay đúng mục đích theo kế hoạch đầu tư của dự án, không được dùng tài sản tạo thành từ vốn vay để thế chấp, sang nhượng, chuyển đổi... cho cá nhân hoặc pháp nhân khác trong thời gian chưa trả xong nợ vay (trừ việc thế chấp đối với các tổ chức tín dụng đã cho vay vốn để thực hiện dự án).

b) Bảng chiết tính số tiền đề nghị ngân sách tỉnh thanh toán khoản hỗ trợ lãi suất sau đầu tư phát sinh năm 2013 theo Khoản 4 Điều 3 Quyết định này.

c) Bản sao Quyết định đầu tư theo đúng thẩm quyền quy định (sao y bản chính).

d) Báo cáo Quyết toán đầu tư được chủ đầu tư phê duyệt đối với những dự án đã hoàn thành toàn bộ. Những dự án lớn được chia thành nhiều giai đoạn, thực hiện theo phân kỳ đầu tư, giai đoạn hoàn thành từng hạng mục công trình/dự án phải có biên bản nghiệm thu bàn giao từng giai đoạn, báo cáo quyết toán từng hạng mục công trình/dự án đầu tư đó, được chủ đầu tư xác nhận.

đ) Bản sao Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh (sao y bản chính).

e) Bản sao Báo cáo tài chính (sao y bản chính) đã nộp Cơ quan thuế của năm 2012 và đã được tiến hành kiểm toán và ghi nhận (nếu thuộc đối tượng phải kiểm toán), bản sao (sao y bản chính) Báo cáo quyết toán thuế kèm theo.

g) Bản sao (*sao y bản chính*): Khế ước, Hợp đồng vay vốn ngân hàng; bảng kê tính lãi phải trả trong thời hạn vay của toàn bộ dự án; chứng từ trả nợ ngân hàng theo hợp đồng.

h) Bản đối chiếu công nợ hàng năm giữa chủ đầu tư với tổ chức tín dụng kể từ thời điểm bắt đầu vay cho tới khi thanh lý hợp đồng.

i) Bản xác nhận danh sách đóng bảo hiểm xã hội của Cơ quan Bảo hiểm xã hội (*Đối với những doanh nghiệp được hưởng hỗ trợ lãi suất tiền vay sau đầu tư do sử dụng nhiều lao động*) thời điểm 31 tháng 12 năm 2013.

3. Hồ sơ đề nghị Ngân sách tỉnh Bạc Liêu hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, gửi Sở Tài chính tỉnh Bạc Liêu để chủ trì gửi các Sở, Ban, Ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính xem xét, kiểm tra đề xuất.

4. Khi nhận được hồ sơ theo khoản 2 Điều này, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, tiến hành xem xét, thẩm tra, xác định mức hỗ trợ đối với từng dự án, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Thời hạn xem xét, thẩm tra, xét duyệt hỗ trợ lãi suất sau đầu tư không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định của doanh nghiệp.

**Điều 6. Lập dự toán và thanh toán khoản hỗ trợ lãi suất sau đầu tư**

### **1. Lập dự toán**

Doanh nghiệp thuộc đối tượng được hỗ trợ theo quy định tại Quyết định này có nhu cầu cần hỗ trợ, lập kế hoạch xác định nhu cầu kinh phí đề nghị hỗ trợ lãi suất sau đầu tư và gửi Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Hồ sơ kế hoạch xác định nhu cầu kinh phí đề nghị hỗ trợ lãi suất sau đầu tư theo danh mục quy định tại Khoản 2 Điều 5 Quyết định này (*ngoại trừ điểm d*).

### **2. Thực hiện thanh toán**

a) Ngân sách chỉ thực hiện thanh toán đối với những doanh nghiệp đã được phê duyệt dự toán và mức thanh toán không vượt mức dự toán đã phê duyệt.

b) Trước ngày 15 tháng 01 năm 2014, các doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị thanh toán tiền hỗ trợ lãi suất sau đầu tư theo quy định tại Điều 5 Quyết định này gửi Sở Tài chính.

c) Căn cứ dự toán ngân sách được phê duyệt, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các Sở, Ban, Ngành liên quan (*chỉ gửi cho các đơn vị trực tiếp có liên quan, không gửi tất cả cho các đơn vị*), Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính quy định tại Quyết định này thẩm định hồ sơ, xác định số kinh phí ngân sách thanh toán tiền hỗ trợ lãi suất sau đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Khi có quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về thanh toán khoản hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho từng dự án, Sở Tài chính thực hiện việc cấp phát khoản hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho doanh nghiệp.

## **Điều 7. Hạch toán khoản tiền hỗ trợ lãi suất sau đầu tư**

Những dự án, công trình đã hoàn thành toàn bộ hoặc từng giai đoạn đưa vào sử dụng được Ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, doanh nghiệp có trách nhiệm hạch toán khoản tiền được ngân sách tỉnh hỗ trợ theo đúng quy định của Luật Thuế và chế độ kế toán hiện hành.

## **Điều 8. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan.**

### **1. Doanh nghiệp được hỗ trợ lãi suất sau đầu tư**

- a) Lập, trình duyệt dự án đầu tư theo quy định hiện hành.
- b) Chịu trách nhiệm về số liệu thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị.
- c) Thực hiện đúng cam kết về thực hiện dự án và sử dụng nguồn vốn, cho phép tổ chức tín dụng cung cấp hồ sơ liên quan dự án theo yêu cầu của cơ quan quản lý có liên quan (*nếu cần*).
- d) Trường hợp chủ đầu tư sử dụng vốn vay được ngân sách tỉnh hỗ trợ lãi suất sau đầu tư không đúng mục tiêu đầu tư đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thì không được tiếp tục tham gia chương trình hỗ trợ lãi suất sau đầu tư; đồng thời phải hoàn trả ngân sách phần kinh phí đã được hỗ trợ tính đến thời điểm vi phạm.

Trường hợp chậm hoàn trả ngân sách phần kinh phí phát hiện vi phạm, thì được xác định như khoản nợ quá hạn và việc xử lý theo quy định xử lý nợ quá hạn do tổ chức tín dụng (*nơi đã cho doanh nghiệp vay đầu tư dự án*) đang áp dụng.

đ) Chịu sự kiểm tra, kiểm soát, cung cấp nội dung (*theo yêu cầu*) của các đơn vị chức năng có liên quan tại Quyết định này.

### **2. Trách nhiệm của Sở Tài chính**

a) Là cơ quan chủ trì tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của các dự án đầu tư đã hoàn thành đưa vào sản xuất kinh doanh, lấy ý kiến thẩm định của các Sở, Ban, Ngành (*chỉ gửi các đơn vị có liên quan trực tiếp, không gửi tất cả*) có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận (*hoặc không chấp thuận*). Nội dung trình duyệt bao gồm: Tên doanh nghiệp, tên dự án đầu tư, tổng mức vốn vay ngân hàng thương mại, dư nợ cho vay được hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, thời gian hỗ trợ, số tiền được ngân sách hỗ trợ,...

b) Thực hiện việc cấp phát khoản hỗ trợ lãi suất sau đầu tư theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh về nguồn vốn để hỗ trợ doanh nghiệp trong dự toán ngân sách tỉnh theo Luật Ngân sách.

d) Tổng hợp tình hình thực hiện hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.



### 3. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Phối hợp với Sở Tài chính xem xét, thẩm tra, xác định mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với từng dự án trình UBND tỉnh phê duyệt.

b) Phối hợp với Sở Tài chính đề tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp trong dự toán ngân sách tỉnh dành cho đầu tư phát triển.

### 4. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý chuyên ngành đối với các nội dung có liên quan.

a) Các sở quản lý chuyên ngành (*các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động, Thương binh và Xã hội, Giao thông vận tải, Xây dựng, Khoa học & Công nghệ, ...*) có trách nhiệm xem xét về sự phù hợp của dự án đầu tư với đối tượng và phạm vi quy định tại Điều 1 và Điều 2 của Quy định này khi có văn bản đề nghị cho ý kiến của Sở Tài chính.

b) Cục Thuế tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bạc Liêu: Có trách nhiệm xác nhận hoặc đề nghị đơn vị trực thuộc xác nhận doanh nghiệp có nợ thuế hay không, danh sách đóng bảo hiểm xã hội, số dư nợ vay đầu tư (*tính đến thời điểm nhận hồ sơ*) của các doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ lãi suất sau đầu tư theo văn bản kèm theo danh sách do Sở Tài chính gửi lấy ý kiến.

Sau 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thẩm tra, các cơ quan quản lý chuyên ngành có trách nhiệm trả lời bằng văn bản gửi Sở Tài chính tổng hợp, trong đó nêu rõ chấp thuận hay không chấp thuận. Trường hợp quá thời gian quy định, nếu không trả lời thì xem như đồng ý, và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nơi doanh nghiệp (*đề nghị và được phê duyệt hỗ trợ*) đóng trụ sở chính có trách nhiệm liên quan đến tình hình hoàn thành và đưa dự án vào khai thác sản xuất kinh doanh. Đồng thời, chủ động giám sát, báo cáo kịp thời đến Sở Tài chính về tình hình vận hành thực tế của dự án (*thời gian hoạt động; chất lượng sản phẩm; ảnh hưởng môi trường; sử dụng lao động thực tế; ...*) đã được Ngân sách hỗ trợ lãi suất sau đầu tư.

d) Thông tin đến các doanh nghiệp được biết và thực hiện:

- Giao Sở Thông tin & Truyền thông: Chủ trì phối hợp các cơ quan Báo, Đài và cơ quan chức năng khác để công bố rộng rãi và công khai về chính sách hỗ trợ sau đầu tư được quy định tại Quyết định này;

- Các Sở, Ban, Ngành có liên quan tại Quyết định này, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức đăng thông báo nội dung quyết định trên cổng thông tin điện tử (*nếu có*), trụ sở của đơn vị. Đồng thời, hướng dẫn các doanh nghiệp có nhu cầu đến liên hệ Sở Tài chính để được rõ thêm nội dung có liên quan đến chính sách hỗ trợ sau đầu tư (*nếu doanh nghiệp có yêu cầu*).

### 5. Các Sở, Ban, Ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quy định tại Quyết định này, căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao tổ chức

giám sát, đánh giá, tổng hợp và báo cáo (*thông qua Sở Tài chính tổng hợp*) Ủy ban nhân dân tỉnh tác động của chính sách đối với dự án được hỗ trợ lãi suất sau đầu tư. Thời gian gửi báo cáo về Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 6 năm 2014; Sở Tài chính tổng hợp báo cáo cùng với đề xuất chính sách hỗ trợ sau đầu tư năm 2014 (*nếu có*) Ủy ban nhân dân tỉnh trước 30 tháng 6 năm 2014.

#### **Điều 9. Tổ chức thực hiện.**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động, Thương binh và Xã hội, Giao thông vận tải, Xây dựng; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bạc Liêu; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 9;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH (*giám sát*);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-BTP (*kiểm tra*);
- CT, các PCT UBND tỉnh.
- Sở Tư pháp (*tự kiểm tra*);
- CVP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- TT Công báo – Tin học (*đăng công báo*);
- Lưu VT. (B.QĐ55) *ptat*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Lê Minh Chiến*